

Số: /GPMT-UBND Thanh Hóa, ngày tháng năm 2026

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HOÁ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường ngày 11/12/2025;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29/01/2026 của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 và Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT ngày 29/01/2026;

Xét Văn bản đề nghị cấp Giấy phép môi trường số 12/CVMT-TSUNTAT ngày 02/3/2026 và số 2026.03-01/CVMT-TSUNTAT ngày 30/3/2026 của Công ty TNHH đồ chơi Tsun Tat (Việt Nam) và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 462/TTr-SNNMT ngày 31/3/2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty TNHH đồ chơi Tsun Tat (Việt Nam), địa chỉ tại thôn 1 Lê Lợi, xã Hoàng Hóa, tỉnh Thanh Hóa được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án Đồ chơi Tuấn Đạt (Việt Nam), tại Thôn 1 Lê Lợi, xã Hoàng Hóa, tỉnh Thanh Hóa, với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của cơ sở

1.1. Tên dự án: Dự án đồ chơi Tuấn Đạt (Việt Nam)

1.2. Địa điểm hoạt động: Trong khuôn viên Dự án trụ sở làm việc và khu sản xuất Hoàng Long tại xã Hoàng Đồng, huyện Hoàng Hóa (nay là xã Hoàng Hóa) của Công ty Cổ phần Dụng cụ thể thao Delta, thôn 1 Lê Lợi, xã Hoàng Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: 2803199996, đăng ký lần đầu ngày 14/11/2025 do Phòng Đăng ký kinh doanh, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hóa cấp.

1.4. Mã số thuế: 2803199996

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Sản xuất đồ chơi

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án:

- Tổng diện tích sử dụng đất của dự án: 6.720 m².

- Nhóm dự án: Dự án nhóm B (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

- Dự án có tiêu chí về môi trường thuộc nhóm III theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP.

- Công suất hoạt động: 11.200.000 sản phẩm/năm.

- Quy trình công nghệ sản xuất:

Nguyên liệu (hạt nhựa, bột màu) nhập về kho → Ép phun, tạo hình (*) → Phun sơn/vẽ thủ công → In chuyển → Lắp ráp → Kiểm tra → Đóng gói → Nhập kho.

(*) Bán thành phẩm hồng (nếu có) → Nghiền → Ép phun, tạo hình.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo

2.1. Thực hiện quản lý nước thải và yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nước thải quy định tại Phụ lục 01 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 02 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 03 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 04 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 05 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty TNHH đồ chơi Tsun Tat (Việt Nam)

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty TNHH đồ chơi Tsun Tat (Việt Nam) có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả chất thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp Giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm.

(Từ ngày 15/4/2026 đến ngày 15/4/2036).

Điều 4. Giao Sở Nông nghiệp và Môi trường, UBND xã Hoàng Hóa theo chức năng, nhiệm vụ được giao, tổ chức kiểm tra việc thực hiện các nội dung quy định tại Giấy phép môi trường này, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Chủ tịch UBND tỉnh (để báo cáo);
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Sở NN&MT (để theo dõi);
- UBND xã Hoàng Hóa (để theo dõi);
- Công ty CP dụng cụ thể thao Delta (để theo dõi);
- Công ty TNHH đồ chơi Tsun Tat (Việt Nam) (để thực hiện);
- Lưu: VT, NNMT.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Cao Văn Cường

PHỤ LỤC 01
NỘI DUNG QUẢN LÝ NƯỚC THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ
MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND ngày tháng năm 2026
của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)

A. NỘI DUNG QUẢN LÝ ĐỐI VỚI NƯỚC THẢI

Nguồn nước thải phát sinh trong giai đoạn vận hành dự án chủ yếu là nước thải sinh hoạt và nước mưa chảy tràn. Toàn bộ nước mưa chảy tràn và nước thải sinh hoạt của dự án được thu gom qua mạng lưới thu gom và xử lý nước thải của Công ty Cổ phần dụng cụ thể thao Delta, Công ty TNHH đồ chơi Tsun Tat (Việt Nam) đã ký hợp đồng với Công ty Cổ phần dụng cụ thể thao Delta để đưa về hệ thống xử lý nước thải tập trung của Công ty bố trí tại khu Trường liên cấp quốc tế Delta nên không cấp phép đối với nguồn nước thải sinh hoạt và nước mưa chảy tràn của nhà máy.

Nước thải phát sinh từ hoạt động sản xuất của nhà máy có chứa thành phần chất thải nguy hại được thu gom và ký hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về công trình xử lý:

- Nước thải sinh hoạt:

Toàn bộ nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của cán bộ công nhân viên được thu gom và xử lý sơ bộ bằng hệ thống bể tự hoại (nằm trong phần diện tích đất thuê của Công ty Cổ phần dụng cụ thể thao Delta).

- Nước thải sản xuất:

+ Nước thải từ quá trình rửa khuôn sơn, bản in (có chứa thành phần CTNH): Được thu gom bằng can nhựa có nắp đậy kín; sau đó, chuyển về kho chứa chất thải nguy hại.

Ký hợp đồng với đơn vị có đủ chức năng để thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

+ Nước làm mát thiết bị dây chuyền ép phun: Lưu chứa tại bể tuần hoàn 60 m³ qua các đường ống chính, ống nhánh để làm mát và qua đường ống thu hồi về tháp giải nhiệt 250 RT, sau đó quay trở lại bể 60 m³ và tiếp tục tuần hoàn.

+ Nước làm mát khuôn được lưu trữ tại bể tuần hoàn 10 m³ qua các đường ống chính, ống nhánh để làm mát và qua đường ống thu hồi về máy làm mát (chiller) để hạ nhiệt, sau đó quay trở lại bể 10 m³ và tiếp tục tuần hoàn.

+ Nước thải từ phòng thí nghiệm: Được thu gom riêng vào hệ thống kín về thùng, can, lưu chứa tạm thời tại khu vực lưu chứa chất thải nguy hại của dự án và được đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển xử lý theo đúng quy định, không xả ra hệ thống thoát nước chung.

+ Nước thải từ quá trình vệ sinh, xả cặn hệ thống nước tuần hoàn của buồng sơn (nước dập bụi sơn): Được tái tuần hoàn lại bể chứa nước. Định kỳ khi lượng cặn lớn sẽ tiến hành xả cặn; bùn cặn có chứa sơn nên là chất thải nguy hại sẽ được đơn vị có đủ chức năng thu gom, vận chuyển xử lý theo quy định.

+ Nước thải từ hoạt động dập bụi sơn cho hệ thống xử lý khí thải của xưởng phun sơn (tháp lọc ướt): Toàn bộ nước từ hoạt động này không thải ra ngoài môi trường mà được tái tuần hoàn sử dụng. Định kỳ khi lượng cặn lớn sẽ tiến hành xả cặn; bùn cặn có chứa sơn là chất thải nguy hại, Công ty sẽ ký hợp đồng với đơn vị có đủ chức năng để thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

- Nước thải sinh hoạt: Sử dụng công trình bể tự hoại của Công ty Cổ phần dụng cụ thể thao Delta.

- Nước thải sản xuất:

+ Nước thải từ quá trình rửa khuôn sơn, bản in: Thu gom vào các can nhựa/thùng nhựa để lưu giữ nước thải. Trên can nhựa/thùng nhựa ghi rõ nhãn mác.

+ Nước làm mát thiết bị dây chuyền ép phun: Lưu chứa tại bể tuần hoàn 60 m³ và được bơm vào tuyến ống cấp chính D200. Từ tuyến ống chính, nước mát được phân phối đến các thiết bị cần làm mát thông qua các tuyến ống nhánh D160 và D140 phù hợp với lưu lượng yêu cầu tại từng cụm thiết bị. Nước hồi được thu về theo các tuyến ống nhánh D90, D140 và D160, sau đó tập trung về tuyến ống hồi chính D200 và dẫn về tháp giải nhiệt 250 RT sau đó quay trở lại bể 60 m³ và tiếp tục tuần hoàn, không xả ra môi trường.

+ Nước làm mát khuôn được lưu trữ tại bể tuần hoàn 10 m³ đặt trong nhà xưởng. Từ bể, nước được bơm cấp theo tuyến ống chính D160, sau đó phân nhánh qua các tuyến ống D140, D100 dẫn đến từng khuôn ép. Nước sau khi tăng nhiệt được hồi về hệ thống qua các tuyến ống D90, D100, gom về ống thu hồi chính D160 dẫn về máy làm mát (chiller) để hạ nhiệt, sau đó quay trở lại bể 10 m³ và tiếp tục tuần hoàn, không xả ra môi trường.

+ Nước thải từ quá trình vệ sinh, xả cặn hệ thống nước tuần hoàn của buồng sơn (nước dập bụi sơn): Lưu chứa tại bể chứa nước tuần hoàn của từng buồng có V=2,5 m³ chứa nước dập bụi sơn.

+ Nước thải từ phòng thí nghiệm: Được thu gom riêng vào hệ thống kín về các can nhựa/thùng nhựa để lưu giữ nước thải. Trên can nhựa/thùng nhựa ghi rõ nhãn mác.

+ Nước thải từ hoạt động đập bụi sơn cho hệ thống xử lý khí thải của xưởng phun sơn tái tuần hoàn sử dụng trong tháp lọc ướt.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

1.4.1. Khi hệ thống xử lý nước thải gặp sự cố không hoạt động, nước thải sẽ được lưu chứa tạm thời tại bể tự hoại. Trong trường hợp quá khả năng lưu giữ nước thải tại các bể trên mà Công ty Cổ phần dụng cụ thể thao Delta chưa khắc phục được thì chủ dự án có trách nhiệm phối hợp với Công ty Cổ phần dụng cụ thể thao Delta thuê đơn vị có chức năng đến hút; vận chuyển đi xử lý theo quy định.

1.4.2. Phối hợp với Công ty Cổ phần dụng cụ thể thao Delta thực hiện các biện pháp quản lý, giám sát hoạt động của hệ thống xử lý nước thải để có biện pháp kịp thời ứng phó sự cố đối với hệ thống xử lý nước thải.

1.4.3. Phối hợp với Công ty Cổ phần dụng cụ thể thao Delta định kỳ hàng năm, thực hiện kiểm tra, duy tu, bảo dưỡng thiết bị, máy móc hệ thống xử lý nước thải bảo đảm hệ thống hoạt động ổn định.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

Không thuộc đối tượng phải thực hiện vận hành thử nghiệm công trình xử lý khí thải.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Phối hợp với Công ty Cổ phần dụng cụ thể thao Delta thu gom triệt để nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của dự án về hệ thống xử lý nước thải tập trung của Công ty bố trí tại khu Trường liên cấp quốc tế Delta để xử lý theo quy định, không xả thải trực tiếp ra ngoài môi trường.

3.2. Cam kết thu gom triệt để toàn bộ nước thải phát sinh từ hoạt động sản xuất và xử lý theo quy định, không xả thải trực tiếp ra ngoài môi trường./.

PHỤ LỤC 02
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ
MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND ngày tháng năm 2026
của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI

1. Nguồn phát sinh khí thải

- Nguồn số 01: Bụi phát sinh từ công đoạn nghiền phế liệu (phòng nghiền số 01).
- Nguồn số 02: Bụi phát sinh từ công đoạn nghiền phế liệu (phòng nghiền số 02).
- Nguồn số 03: Khí thải phát sinh từ các dây chuyền phun sơn.
- Nguồn số 04: Khí thải phát sinh từ 03 buồng sơn.
- Nguồn số 05: Khí thải phát sinh từ 02 thiết bị sấy.
- Nguồn số 06: Khí thải phát sinh từ khu vực pha sơn.
- Nguồn số 07: Khí thải phát sinh từ công đoạn in chuyển.
- Nguồn số 08: Khí thải phát sinh từ các công trình bảo vệ môi trường (bể tự hoại, khu tập kết rác thải...).

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải

2.1. Vị trí xả khí thải:

- Dòng khí thải số 01: Là ống xả khí thải sau xử lý của thiết bị xử lý khí thải tại phòng nghiền số 01 (nguồn số 01); lưu lượng tối đa đề nghị cấp phép là 10.000 m³/giờ; (tọa độ VN2000, kinh tuyến trục 105⁰ múi chiếu 30: X= 2194699.780m; Y= 589240.987m).
- Dòng khí thải số 02: Là ống xả khí thải sau xử lý của thiết bị xử lý khí thải tại phòng nghiền số 02 (nguồn số 02); lưu lượng tối đa đề nghị cấp phép là 10.000 m³/giờ; (tọa độ VN2000, kinh tuyến trục 105⁰ múi chiếu 30: X= 2194702.276m; Y= 589223.116m).
- Dòng khí thải số 03: Là ống xả khí thải sau xử lý của HTXL khí thải từ nguồn số 03, 04, 05, 06; lưu lượng tối đa đề nghị cấp phép là 60.000 m³/giờ; (tọa độ VN2000, kinh tuyến trục 105⁰ múi chiếu 30: X= 2194709.386m; Y= 589174.434m).
- Dòng khí thải số 04: Là ống xả khí thải sau xử lý của HTXL khí thải công đoạn in chuyển (nguồn số 07); lưu lượng tối đa đề nghị cấp phép là 45.000 m³/giờ; (tọa độ VN2000, kinh tuyến trục 105⁰ múi chiếu 30: X= 2194666.818m; Y= 589193.311m).

Vị trí xả khí thải nằm trong khuôn viên Dự án đồ chơi Tuần Đạt (Việt Nam) tại Thôn 1, Lê Lợi, xã Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất: 125.000 m³/giờ

- Dòng khí thải số 01: Lưu lượng xả khí thải lớn nhất là 10.000 m³/giờ.

- Dòng khí thải số 02: Lưu lượng xả khí thải lớn nhất là 10.000 m³/giờ.

- Dòng khí thải số 03: Lưu lượng xả khí thải lớn nhất là 60.000 m³/giờ.

- Dòng khí thải số 04: Lưu lượng xả khí thải lớn nhất là 45.000 m³/giờ.

2.2.1. *Phương thức xả khí thải*: Dòng khí thải số 01 đến dòng số 04: Xả liên tục trong quá trình hoạt động sản xuất.

2.2.2. Chất lượng khí thải trước khi thải vào môi trường không khí phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường, cụ thể như sau:

Dòng khí thải số 01, 02:

Khí thải sau xử lý có giá trị giới hạn các chất ô nhiễm phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 19:2024/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp (Cột C- Áp dụng cho các cơ sở xả khí thải công nghiệp có địa điểm hoạt động không thuộc vùng bảo vệ nghiêm ngặt và vùng hạn chế phát thải). Cụ thể:

STT	Chất ô nhiễm đề nghị cấp phép	Đơn vị	Giá trị giới hạn đề nghị cấp phép	Quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động liên tục
	Bụi (PM)	mg/Nm ³	≤100	6 tháng/lần	Không thuộc đối tượng quan trắc tự động, liên tục

Dòng khí thải số 03

Khí thải sau xử lý có giá trị giới hạn các chất ô nhiễm phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 19:2024/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp (Cột C- Áp dụng cho các cơ sở xả khí thải công nghiệp có địa điểm hoạt động không thuộc vùng bảo vệ nghiêm ngặt và vùng hạn chế phát thải). Cụ thể:

STT	Chất ô nhiễm đề nghị cấp phép	Đơn vị	Giá trị giới hạn đề nghị cấp phép	Quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động liên tục
1	Bụi (PM)	mg/Nm ³	≤100	6 tháng/lần	Không thuộc đối tượng quan trắc tự động, liên tục
2	Hợp chất hữu cơ dễ bay hơi	mg/Nm ³	≤100	12 tháng/lần	

	(tính theo TVOC, bao gồm các cấu tử: Benzen, Toluen, Etylbenzen, Xylen, Etyl Axetat, Butyl Axetat)				
--	--	--	--	--	--

Dòng khí thải số 04

Khí thải sau xử lý có giá trị giới hạn các chất ô nhiễm phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 19:2024/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp (Cột C- Áp dụng cho các cơ sở xả khí thải công nghiệp có địa điểm hoạt động không thuộc vùng bảo vệ nghiêm ngặt và vùng hạn chế phát thải). Cụ thể:

STT	Chất ô nhiễm đề nghị cấp phép	Đơn vị	Giá trị giới hạn đề nghị cấp phép	Quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động liên tục
	Hợp chất hữu cơ dễ bay hơi (tính theo TVOC, bao gồm các cấu tử: Benzen, Toluen, Etylbenzen, Xylen, Etyl Axetat, Butyl Axetat)	mg/Nm ³	≤100	12 tháng/lần	Không thuộc đối tượng quan trắc tự động, liên tục

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải:

- Nguồn số 01: Được thu gom vào thiết bị xử lý khí thải, sau đó qua 01 ống thoát khí cao 10 m xả thải ra môi trường.

- Nguồn số 02: Được thu gom vào thiết bị xử lý khí thải, sau đó qua 01 ống thoát khí cao 10 m xả thải ra môi trường.

- Nguồn số 03 đến nguồn số 06: Được thu gom vào hệ thống xử lý khí thải, sau đó qua 01 ống thoát khí cao 10 m xả thải ra môi trường.

- Nguồn số 07: Được thu gom vào hệ thống xử lý khí thải, sau đó qua 01 ống thoát khí cao 10 m xả thải ra môi trường.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý khí thải:

1.2.1. Đối với bụi từ công đoạn nghiền: Đầu tư lắp đặt thiết bị xử lý lọc bụi túi vải.

* Quy trình xử lý:

Khí thải → Ống hút → Ống dẫn khí bằng thép không rỉ → Thiết bị lọc bụi túi vải → Quạt hút → Ống thoát khí cao 10 m → Môi trường

* Các thiết bị chính:

- Ống hút: 14 ống tương ứng với 14 máy nghiền
- Quạt hút khí thải: 02 quạt hút công suất mỗi quạt hút 10.000 m³/giờ.
- Số lượng thiết bị lọc bụi túi vải: 02 thiết bị độc lập (mỗi thiết bị tương ứng xử lý cho 07 máy nghiền).

- Số lượng túi vải: 96 túi/thiết bị. Kích thước túi: Dxd = 1500 cm x 13 cm.

- Ống thoát khí sạch: 02 ống, chiều cao mỗi ống 10 m, đường kính D400.

1.2.2. Đối với mùi, khí thải từ khu vực phun sơn, khu vực pha sơn: Đầu tư lắp đặt hệ thống xử lý khí thải tập trung bằng than hoạt tính.

* Quy trình xử lý: Khí thải → Cửa hút, ống hút → Ống dẫn khí bằng thép không rỉ → Hệ thống xử lý khí thải số 01 (Tháp lọc ướt → Hộp lọc khô ba cấp → Than hoạt tính → Thiết bị đốt xúc tác) → Quạt hút → Ống thoát khí cao 10 m → Môi trường.

* Các thiết bị chính:

- Cửa hút, ống hút: Số lượng 62 vị trí (54 cửa hút tại 09 dây chuyền phun sơn/vẽ thủ công, 06 ống hút tại 03 buồng sơn, 02 ống hút tại 02 máy sấy điện).

- Quạt hút: 01 quạt hút công suất 60.000 m³/giờ.

- Tháp lọc ướt: 01 tháp, kích thước DxH= 2,8 m x 6,9 m.

- Hộp lọc khô 3 cấp: 01 hộp lọc, kích thước: DxRxH= 330x244x365 (cm);
Bông lọc: G3 (số lượng 72 tấm; kích thước 59,5x59,5x4,5 (cm)).

- Thiết bị hấp phụ than hoạt tính: 01 thiết bị, gồm 03 buồng; kích thước 01 buồng: DxRxH= 200x200x200 (cm); số lượng than sử dụng: 9.000 khối (0,25kg/khối).

- Thiết bị đốt xúc tác: 01 thiết bị, kích thước thiết bị DxRxH= 100x120x200 (cm); thể tích vật liệu xúc tác: 0,2 m³ (350g/m³).

- Tổng chiều dài trục đường ống hút khí chính là 187 m bao gồm hệ thống đường ống từ D100-D300-D400-D1000.

- Ống thoát khí sạch: 01 ống, chiều cao 10 m đường kính D1200.

Hoá chất, vật liệu sử dụng: Than hoạt tính, Vật liệu đốt xúc tác (Pt/Pb), bông lọc G3.

1.2.3. Đối với mùi, khí thải từ khu vực in chuyên: Đầu tư lắp đặt hệ thống xử lý khí thải tập trung bằng than hoạt tính.

* Quy trình xử lý: Khí thải → Ống hút → Ống dẫn khí bằng thép không gỉ → Hệ thống xử lý khí thải số 02 (Thiết bị quang xúc tác UV → Than hoạt tính) → Quạt hút → Ống thoát khí cao 10 m → Môi trường.

* Các thiết bị chính:

- Cửa hút, ống hút: Số lượng 80 vị trí (tương ứng với 80 vị trí thao tác của dây chuyền in chuyên).

- Quạt hút: 01 quạt hút công suất 45.000 m³/giờ.

- Thiết bị quang xúc tác UV: Kích thước 3,7x1,5x1,3(m); số lượng bóng đèn 120 bóng (90W).

- Thiết bị hấp phụ than hoạt tính: Số lượng buồng: 02 buồng; kích thước 01 buồng: DxRxH= 200x200x200 (cm); số lượng than sử dụng: 6000 khối (0,25kg/khối)

- Tổng chiều dài trục đường ống hút khí chính là 157 m bao gồm hệ thống đường ống từ D300-D800.

- Ống thoát khí sạch: 01 ống, chiều cao 10 m đường kính D800.

Hoá chất, vật liệu sử dụng: Than hoạt tính

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Thường xuyên theo dõi và thực hiện bảo trì, bảo dưỡng định kỳ các thiết bị của hệ thống xử lý bụi, khí thải; dự phòng thiết bị để thay thế khi thiết bị của hệ thống xử lý bụi, khí thải đã xuống cấp hoặc không có khả năng vận hành.

- Bố trí nhân viên kỹ thuật để theo dõi quá trình vận hành của các hệ thống xử lý bụi, khí thải, đảm bảo tuân thủ đúng quy trình vận hành.

- Trường hợp hệ thống xử lý bụi, khí thải gặp sự cố phải tạm dừng hoạt động sản xuất tại bộ phận có phát sinh bụi, khí thải (được xử lý tại hệ thống xử lý bụi, khí thải gặp sự cố), đồng thời tìm nguyên nhân để khắc phục. Chỉ đưa bộ phận có phát sinh bụi, khí thải vào hoạt động sau khi đã khắc phục xong sự cố.

- Trường hợp bụi, khí thải sau xử lý vượt quy chuẩn kỹ thuật môi trường trước khi xả thải, dừng hoạt động sản xuất để kiểm tra, xác định nguyên nhân để có biện pháp khắc phục kịp thời.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

Thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm công trình xử lý khí thải.

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: Không quá 06 tháng kể từ thời điểm vận hành thử nghiệm (dự kiến từ tháng 6/2026).

2.2. Công trình, thiết bị xả khí thải phải vận hành thử nghiệm:

- + Hệ thống xử lý khí thải từ phòng nghiên số 1, lưu lượng 10.000 m³/giờ.
- + Hệ thống xử lý khí thải từ phòng nghiên số 2, lưu lượng 10.000 m³/giờ.
- + Hệ thống xử lý khí thải công đoạn phun sơn, lưu lượng 60.000 m³/giờ.
- + Hệ thống xử lý khí thải công đoạn in chuyên, lưu lượng 45.000 m³/giờ.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu:

- Khí thải tại ống thoát khí dòng số 01.
- Khí thải tại ống thoát khí dòng số 02.
- Khí thải tại ống thoát khí dòng số 03.
- Khí thải tại ống thoát khí dòng số 04.

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm:

- Chỉ tiêu giám sát:

- + Dòng số 01: Bụi.
- + Dòng số 02: Bụi.

+ Dòng số 03: Bụi, Hợp chất hữu cơ dễ bay hơi (tính theo TVOC, bao gồm các cấu tử: Benzen, Toluene, Etylbenzen, Xylen, Etyl Axetat, Butyl Axetat).

+ Dòng số 04: Hợp chất hữu cơ dễ bay hơi (tính theo TVOC, bao gồm các cấu tử: Benzen, Toluene, Etylbenzen, Xylen, Etyl Axetat, Butyl Axetat).

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 19:2024/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp (cột C).

2.3. Tần suất lấy mẫu: Thực hiện quan trắc trong quá trình vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý khí thải theo quy định tại khoản 5 Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường được sửa đổi, bổ sung tại điểm c, khoản 8, Điều 1 Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025, cụ thể: Việc quan trắc khí thải do Chủ cơ sở tự quyết định nhưng phải bảo đảm quan trắc ít nhất 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định các công trình xử lý chất thải.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý khí thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở đảm bảo đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất thải ô nhiễm tại Mục 2.2.2 phần A của Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các công trình thu gom, xử lý bụi, khí thải.

3.3. Công ty TNHH đồ chơi Tsun Tat (Việt Nam) chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả bụi, khí thải không đảm bảo các yêu cầu tại Giấy phép này ra môi trường./.

PHỤ LỤC 03
BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND ngày tháng năm 2026
của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung

- Nguồn số 01: Tiếng ồn, độ rung của máy móc thiết bị tại tầng 1 nhà xưởng.
- Nguồn số 02: Tiếng ồn, độ rung của máy móc thiết bị tại tầng 2 nhà xưởng.
- Nguồn số 03: Tiếng ồn, độ rung của hệ thống xử lý khí thải công đoạn nghiền (phòng nghiền số 01).
- Nguồn số 04: Tiếng ồn, độ rung của hệ thống xử lý khí thải công đoạn nghiền (phòng nghiền số 02).
- Nguồn số 05: Tiếng ồn, độ rung của 01 quạt hút hệ thống xử lý khí thải công đoạn sơn.
- Nguồn số 06: Tiếng ồn, độ rung của 01 quạt hút hệ thống xử lý khí thải công đoạn in chuyển.

2. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường

Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2025/BNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2025/BNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung;

- Tiếng ồn:

TT	Ngày (06h00 đến trước 18h00) (dBA)	Tối (18h00 đến trước 22h00) (dBA)	Đêm (22h00 đến trước 06h00) (dBA)	Tần suất quan trắc	Ghi chú
	70	65	60	-	Khu vực E đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ và hoạt động dân sinh quy định tại 1.3.3.1 của QCVN 26:2025/BNMT

- Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép, dB		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Ngày (06:00~ trước 22:00)	Đêm (22:00~ trước 06:00)		
	75	70	-	Khu vực D đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ và hoạt động dân sinh quy định tại 1.3.3.1 của QCVN 27:2025/BTNMT

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

- Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn: Thường xuyên bảo dưỡng, kiểm tra định kỳ hệ thống thiết bị sản xuất, máy phát điện. Đảm bảo động cơ hoạt động ổn định để giảm thiểu tiếng ồn.

- Công trình, biện pháp giảm thiểu độ rung: Đối với thiết bị công suất lớn, lắp đặt đệm cao su, không tiếp xúc trực tiếp với chân đế bằng bê tông, từ đó giảm thiểu độ rung khi vận hành. Định kỳ kiểm tra độ mài mòn của chi tiết động cơ, thay thế dầu bôi trơn để giảm thiểu độ rung.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn đối với các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung. Nâng cấp, thay thế các máy móc, thiết bị phụ trợ (khi xuống cấp) có phát sinh tiếng ồn, độ rung lớn bằng các máy móc, thiết bị hiện đại để giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đến môi trường xung quanh, đảm bảo đáp ứng các quy chuẩn kỹ thuật môi trường quy định./.

PHỤ LỤC 04
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA VÀ
ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND ngày tháng năm 2026
của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

TT	Tên chất thải	Trạng thái	Mã CTNH	Khối lượng trung bình (kg/năm)
1	Bao bì mềm nhiễm hóa chất (bao PE, túi, bao đựng dung môi...) thải	Rắn	18 01 01	1.200
2	Bao bì kim loại cứng (thùng sắt, can thép chứa hóa chất) thải	Rắn	18 01 02	900
3	Dầu bôi trơn, dầu máy thải	Lỏng	17 02 04	700
4	Găng tay, giẻ lau, vật liệu thấm dính dầu/mỡ	Rắn	18 02 01	500
5	Than hoạt tính thải từ hệ thống xử lý khí	Rắn	12 01 04	3750
6	Vật liệu xúc tác thải	Rắn	19 08 01	0,07
8	Sơn thải (sơn khô, cặn sơn)	Rắn	08 01 01	150
9	Bùn thải lẫn sơn (từ HTXL khí thải)	Rắn/Lỏng	08 01 02	80
10	Dung môi pha sơn	Lỏng	03 07 03	300
11	Nước thải chứa thành phần nguy hại (từ công đoạn rửa, vệ sinh thiết bị, máy in, thí nghiệm...)	Lỏng	12 01 02	31.800
12	Keo chét, keo phết trong quá trình hoàn thiện sản phẩm, dán keo	Lỏng/Rắn	08 03 01	320

TT	Tên chất thải	Trạng thái	Mã CTNH	Khối lượng trung bình (kg/năm)
13	Bóng đèn huỳnh quang, đèn LED thải	Rắn	16 01 06	120
14	Pin, ắc quy thải	Rắn	16 01 12	20
15	Rác thải y tế (nếu có phòng y tế tại nhà máy)	Rắn	13 01 01	45
Tổng				39.885,07

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

STT	Loại chất thải	Khối lượng dự báo (kg/tháng)
1	Thùng carton, hộp giấy, bì hộp bao gói hỏng, rách	2.500
2	Hộp màu, thẻ giấy, sách hướng dẫn lỗi, hư	900
3	Bao bì hạt nhựa (bao PP, PE, bao giấy...)	750
5	Túi nylon, màng PE, nilon bọc linh kiện, túi chống tĩnh điện thải	700
7	Khay nhựa, vỉ chứa linh kiện thải	300
8	Dây rút, dây buộc, dây nhựa thừa	150
9	Lõi giấy, lõi cuộn nhãn, lõi màng bọc	120
10	Phế liệu kim loại thông thường (ốc vít hỏng, chi tiết thép vụn nhỏ)	130
11	Vật liệu phụ trợ thải khác (vật liệu chèn hàng, vật liệu đệm, bao lót...)	380
12	Đất, cát từ công đoạn nào vét, khơi thông mương rãnh thoát nước mưa	20
Tổng		5.950

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

S TT	Tên chất thải	Số lượng (tấn/năm)
	Chất thải rắn sinh hoạt	198

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại

2.1. Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại

2.1.1. Thiết bị lưu chứa: Thùng nhựa, thùng kim loại; được dán nhãn cảnh báo nguy hại; bao bì được dán nhãn cảnh báo nguy hại, để tại kho lưu chứa.

2.1.2. Khu vực lưu chứa là có tổng diện tích 37 m². Khu vực lưu chứa nền bằng bê tông, tường trát xung quanh, bố trí ngay trong nhà xưởng. Trong ngăn có bố trí rãnh và hố thu dầu, trang bị thiết bị ngăn sự cố tràn dầu và chữa cháy. Khu vực để chất thải nguy hại sẽ được đóng kín, bên ngoài cửa có biển cảnh báo nguy hại.

2.2. Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường

2.2.1. Thiết bị lưu chứa: Bố trí thùng và bao bì chứa chất thải công nghiệp thông thường tại các khu vực phát sinh.

2.2.2. Kho lưu chứa: Chất thải rắn công nghiệp được lưu chứa tại 02 kho có tổng diện tích khoảng 48 m²; kết cấu tường xây gạch, nền bê tông, bố trí ngay trong nhà xưởng.

2.3. Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt

Thiết bị lưu chứa: Thùng chứa bằng nhựa cứng có dung tích từ 30 lít đến 120 lít và các xe đẩy có thể tích 0,5 m³/xe.

Khu vực lưu chứa tạm thời: diện tích 18,5 m², bố trí tại khu vực góc Tây Nam dự án; kết cấu nền bê tông, có mái che.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

1. Thực hiện phương án phòng chống, ứng phó với sự cố rò rỉ hóa chất và các sự cố khác theo quy định của pháp luật.

2. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường 2020 và Luật số 146/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường.

3. Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, Nghị định số 48/2026/NĐ-CP và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP Chính phủ./.

PHỤ LỤC 05**CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND ngày tháng năm 2026 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Quản lý chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Thực hiện phân định, phân loại các loại chất thải rắn sinh hoạt và chất thải nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022, Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 và Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Quyết định số 13/2022/QĐ-UBND ngày 02/3/2022 của UBND tỉnh Thanh Hóa. Định kỳ chuyển giao chất thải nguy hại cho đơn vị có đầy đủ năng lực, chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định. Thực hiện quản lý chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt và nguy hại đảm bảo quy định, không gây ô nhiễm môi trường.

2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình đối với các công trình bảo vệ môi trường nêu trong Giấy phép môi trường này, đảm bảo các loại chất thải phát sinh phải được xử lý theo đúng quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; kiểm soát hoạt động của các nhà xưởng sản xuất.

3. Thực hiện nghiêm túc các biện pháp bảo vệ môi trường khác theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; các biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong quá trình hoạt động theo đúng quy định của Luật Bảo vệ môi trường.

4. Tuân thủ các quy định của pháp luật về an toàn lao động, an toàn giao thông, an toàn thực phẩm, phòng cháy chữa cháy theo quy định hiện hành.

5. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và biện pháp ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật, trong đó có nội dung cập nhật về khối lượng, chủng loại chất thải phát sinh theo quy định.

6. Thực hiện đúng, đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép môi trường này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới./.